

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HS-ST

Ngày: 18-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Quang Xệt;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Danh An B**, sinh ngày 05-01-2001 tại Kiên Giang; thường trú: ấp G, xã B, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh S, sinh năm 1973 và bà Thị P, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

***- Bị hại:*** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình P; có đơn xin xét xử vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ông Danh Tài T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt;

+ Ông Danh S, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp G, xã B, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang (là cha của bị cáo); có mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Thị H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh An B là bạn của ông Nguyễn Văn P cùng làm tại Công ty TNHH M tại Khu công nghiệp Vsip II-A thuộc khu phố 1, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 30-12-2019, hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 93H1-288.19 của ông P để đi ăn sáng và mua đồ thì ông P đồng ý. Ông P điều khiển xe đến phòng trọ đón rồi B chở ông P đến Công ty làm việc. B hứa với ông P chiều sẽ trả xe. Sau đó, B điều khiển xe đi ăn sáng, đi mua đồ mang về phòng trọ. Khi về đến phòng trọ, B nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông P mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Do không có giấy chứng nhận đăng ký xe nên sợ tiệm cầm đồ không nhận cầm cố, B mang xe về quê ở Kiên Giang để cầm cho tiệm cầm đồ quen. B đến phòng trọ của Nguyễn Thị H là người yêu của Bình ở khu phố P, phường Ph, thị xã T rủ H cùng về Kiên Giang chơi.

Đến khoảng 09 giờ ngày 31-12-2019, B và H về đến cửa hàng cầm đồ T ở xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do ông Danh Tài T làm chủ. Tại đây, B đã cầm xe mô tô biển số 93H1-288.19 với số tiền 5.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thu Th là vợ của ông . Sau khi cầm xe, B cùng H đến bến xe Kiên Giang đón xe đi thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng chơi.

Do không thấy mang xe đến trả và liên lạc với B không được nên ngày 04-01-2020, ông P đến Công an xã (nay là phường) V, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường V lập hồ sơ ban đầu chuyển cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 05-01-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T tiến hành làm việc với B, B đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe và mang cầm tại cửa hàng cầm đồ T. Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiến hành thu giữ xe mô tô biển số 93H1-288.19.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 09/KLTS – TTHS ngày 06-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã T kết luận xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 93H1-288.19 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 22.150.000 đồng.

Ngày 07-02-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T đã trả lại xe trên cho ông P.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn P đã nhận lại xe nên không có yêu cầu gì. Ngày 08-01-2020, ông Danh S là cha của bị cáo đã trả cho ông Danh Tài T số tiền 5.100.000 đồng là số tiền bị cáo đã cầm xe cùng tiền lãi, ông T không có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa, ông Danh S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Bản Cáo trạng số 85/CT-VKS.TU ngày 13-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Danh An B về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Danh An B từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vì họ đã có lời khai trong hồ sơ. Do đó, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Ngày 30-12-2019, tại phường Ph, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Danh An B mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 93H1-288.19 trị giá 22.150.000 đồng của ông Nguyễn Văn P mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Sau đó, bị cáo bỏ trốn lên thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cho đến ngày 04-01-2020 thì bị bắt. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định

tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Hành vi này thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó, cần xử bị cáo thật nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là dân tộc thiểu số; tài sản đã được gia đình bị cáo chuộc trả lại bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Mức án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, tuy nhiên, bị cáo còn trẻ, nhận thức pháp luật hạn chế, có nơi cư trú rõ ràng nên việc không cách ly bị cáo khỏi xã hội để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tại địa phương vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Danh S là cha của bị cáo không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.100.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Danh An B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

*1. Về trách nhiệm hình sự:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh An B 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (18-6-2020).

*Giao bị cáo Danh An B cho UBND xã B, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.*

*Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Danh An B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã B, huyện Gi, Kiên Giang;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Trí**